TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2024
Về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mai Khanh;

Bà Bùi Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2023 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị L, sinh năm 1996.

Địa chỉ nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm P, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm P, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

(Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, không rõ địa chỉ, đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng về việc mở phiên tòa lần thứ hai tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh).

- *Những người làm chứng:* Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1956; đều có địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ

An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Tạ Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Tứ kết h trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 anh T đi lao động tại Đài Loan. Từ đó đến nay vợ chồng ít khi liên lạc với nhau, hai bên bất đồng quan điểm, không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và bị đơn có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 21/11/2016 nay đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ. Trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị L rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu anh T thực hiện và đề nghị ghi vào biên bản phiên họp.

Tài sản chung, nợ chung: Chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay anh T vắng mặt tham gia tố tụng. Chị L và bố mẹ đẻ của anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh T cư trú, chỉ biết anh ấy đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh cho anh T biết để tham gia tố tụng, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo cho anh T thông qua bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phạm Thị N. Tuy nhiên, ông T1, bà N cho biết bị đơn thỉnh thoảng liên lạc về với ông, bà qua mạng xã hội, nhưng không cho ông, bà biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được. Ông T1, bà N đã thông báo cho anh T biết nội dung và phạm vi khởi kiện của chị L hiện đã được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết nhưng anh T không có ý kiến gì.

Văn bản trình bày ý kiến của những người làm chứng (Ông T1, bà N): Quan hệ hôn nhân, con chung, nguyên nhân mâu thuẩn giữa nguyên đơn và bị đơn đúng như nguyên đơn trình bày, đã thông báo cho bị đơn những nội dung nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn và bị đơn thì ông bà không đồng ý vì chị ấy đang làm thủ tục xuất khẩu lao động, trường hợp chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con

chung thì yêu cầu chị L và gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Thanh T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, những người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 77 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được bố, mẹ đẻ của mình cung cấp nội dung về việc nguyên đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ và thực hiện quyền của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã hai lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc mở phiên tòa cho bị đơn nhưng vẫn vắng mặt nên việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Văn T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/3/2016, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Chị L và anh T đã ly thân với nhau một thời gian dài, không liên lạc với nhau điều này cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Tạ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 21/11/2016. Đề nghị giao con chung cho chị Tạ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Tạ Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn trước khi xuất cảnh tại xóm P, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Văn bản số 876/QLXNC-P3 ngày 12/01/2024 của Cục Q - Bộ C cho thấy, anh Nguyễn Văn T đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay N1 lần cuối là ngày 24/3/2019 đến nay chưa nhập cảnh. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa

nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn, người làm chứng cung cấp địa chỉ của bị đơn nhưng không có kết quả. Bị đơn đã được bố mẹ đẻ của mình thông báo nội dung và phạm vi khởi kiện của nguyên đơn mà Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết nhưng không có ý kiến gì, không cung cấp địa chỉ nơi ở do đó được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của bị đơn trước khi xuất cảnh theo quy định nên tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người làm chứng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì phiên tòa.

[3] Nội dung vụ án: Đánh giá lời khai của nguyên đơn, những người làm chứng và các tài liệu có tại hồ sơ Hội đồng xét xử có căn cứ để khẳng định:

3.1. Quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh Tứ kết h với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/3/2016. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn hai người đã sống ly thân từ năm 2018 cũng từ đó hai người liên lạc ít dần và thiếu sự quan tâm lẫn nhau nên đã vi phạm vào khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, chị L không còn tình cảm với anh T, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Tạ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T như đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ.

3.2. Con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã có một con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 21/11/2016. Quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung thuộc về nguyên đơn và bị đơn, ông T1 và bà N là bố mẹ đẻ của bị đơn không đồng ý chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 vì cho rằng chị ấy đang làm thủ tục đi xuất khẩu lao động nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Hơn nữa hiện nay chị L đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 đồng thời nguyện vọng của cháu chọn mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng. Bởi vậy nên cần giao cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 21/11/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và hoàn cảnh thực tế.

3.3. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ nguyên đơn rút yêu thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung đối với bị đơn và đề nghị ghi vào biên bản phiên họp. Việc thay đổi phạm vi khởi kiện thuộc quyền định đoạt của nguyên đơn, phù hợp với quy định pháp luật.

3.4 Quan hệ tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không có ý kiến gì.

Từ những nhận định tại các mục (3.3 và 3.4) trên đây Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên, không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Trường hợp có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự độc lập khác tại Tòa án có thẩm quyền.

[4] Án phí: Chị Tạ Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 19; Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Tạ Thị L được ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Tạ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

3. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự độc lập khác tại Tòa án có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người có quyền, yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Án phí: Buộc chị Tạ Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ *(Ba*

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001259 ngày 24/10/2023 có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Hồng Thành, h.Yên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lam